

Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	3
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	4 - 14
Báo cáo của Ngân hàng Giám sát	15
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	16 - 17
Báo cáo thu nhập giữa niên độ	18
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	19 - 20
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ	21
Báo cáo danh mục đầu tư	22 - 23
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	24 - 25
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	26 - 60

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THÔNG TIN CHUNG

QUỸ

Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF (“Quỹ”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 44/GCN-UBCK ngày 16 tháng 9 năm 2013 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 07/GCN-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 6.042.661,45 chứng chỉ với tổng giá trị là 60.426.614.500 VNĐ, chiếm 120,85% tổng số chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VNĐ/đơn vị quỹ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 128.661.253.000 VNĐ, tương đương với 12.866.125,30 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư vào các cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định có xếp hạng tín dụng tốt.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank, Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank (“Công ty Quản lý Quỹ” hoặc “VCBF”).

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ LƯU KÝ

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam). Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 06/UBCK-GPHĐQLQ ngày 2 tháng 12 năm 2005 và các giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy phép điều chỉnh số 32/GPĐC-UBCK ngày 14 tháng 5 năm 2024. Công ty Quản lý Quỹ được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0101842669 lần gần nhất vào ngày 11 tháng 7 năm 2024 (đăng ký lần đầu ngày 2 tháng 12 năm 2005), và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện Quỹ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Mạc Quang Huy	Chủ tịch, thành viên độc lập	Ngày 19 tháng 6 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên độc lập	Ngày 15 tháng 3 năm 2017
Bà Vũ Ngọc Quỳnh	Thành viên	Ngày 21 tháng 11 năm 2023

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Bà Nguyễn Thị Hằng Nga	Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank – Công ty Quản lý Quỹ	Ngày 17 tháng 4 năm 2024

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Quỹ.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF ("Quỹ") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Điều hành Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ"), với tư cách là công ty quản lý quỹ của Quỹ, chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ và danh mục đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Quỹ trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo đó, chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm, trên cơ sở cam kết của Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ. Báo cáo tài chính giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ và danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ:



Ông Mạc Quang Huy
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2025

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

1. Mục tiêu của Quỹ

Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 44/GCN-UBCK ngày 16 tháng 9 năm 2013 và Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng số 07/GCN-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư vào các cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt.

2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ đã được kiểm toán, tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2025, thay đổi giá trị tài sản ròng ("NAV") trên 1 đơn vị quỹ của Quỹ và thay đổi của chỉ số tham chiếu lần lượt là 3,46% và 5,05% so với ngày 31 tháng 12 năm 2024.

3. Chiến lược đầu tư của Quỹ

Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản theo chiến lược đầu tư phòng thủ hoặc tăng trưởng tùy thuộc vào cơ hội đầu tư sẵn có tại các thời điểm khác nhau. Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi đáng kể tùy thuộc vào nhận định của Công ty Quản lý Quỹ, với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quỹ là bảo vệ lợi ích của Nhà đầu tư.

Tỷ trọng phân bổ tài sản của Quỹ như sau:

<i>Loại hình đầu tư</i>	<i>Mức độ rủi ro</i>	<i>Tỷ trọng trong giá trị tài sản ròng (NAV)</i>
Cổ phiếu	Trung bình đến cao	50,00%
Tài sản có thu nhập cố định (kể cả tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát)	Thấp đến trung bình	50,00%

Việc phân bổ tài sản có thể tăng/giảm 25,00% so với tỷ trọng trên tùy thuộc vào các cơ hội đầu tư sẵn có và đánh giá của đội ngũ đầu tư về rủi ro và lợi nhuận mang lại của các cơ hội đầu tư này đối với các loại tài sản. Thông thường tỷ lệ phân bổ vào tài sản có thu nhập cố định sẽ cao hơn khi các điều kiện kinh tế vĩ mô thích hợp với chiến lược đầu tư thận trọng. Tỷ lệ phân bổ vào cổ phiếu sẽ cao hơn nếu điều kiện kinh tế thuận lợi cho chiến lược đầu tư nhắm vào tăng trưởng vốn.

Quỹ sẽ đầu tư chủ yếu vào một danh mục đầu tư đa dạng các cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX) và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) có giá trị vốn hóa thị trường lớn và vừa. Cổ phiếu được xem là có vốn hóa thị trường lớn và vừa là những cổ phiếu có vốn hóa thị trường lớn hơn hoặc bằng vốn hóa thị trường của cổ phiếu có vốn hóa nhỏ nhất trong rổ chỉ số VN100 của HSX.

4. Phân loại Quỹ

Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ mở theo quy định của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ("Thông tư 98") ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành.

5. Thời gian khuyến nghị đầu tư của Quỹ: Trung đến dài hạn

6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao): Trung bình đến cao

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ (tiếp theo)

7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 07/GCN-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tổng giá trị tài sản ròng: 442.023.313.972 Việt Nam đồng.

Số lượng chứng chỉ quỹ: 12.866.125,30 chứng chỉ quỹ.

9. Lợi nhuận tham chiếu của Quỹ

Lợi nhuận tham chiếu là tỷ suất lợi nhuận được xác định bằng trung bình giản đơn của tỷ suất sinh lợi của chỉ số VNIndex và lợi suất của trái phiếu kỳ hạn 10 (mười) năm của Chính phủ Việt Nam, tức bằng 50% (năm mươi phần trăm) nhân với tỷ suất sinh lợi của chỉ số VNIndex cộng với 50% (năm mươi phần trăm) nhân với lợi suất của trái phiếu kỳ hạn 10 (mười) năm của Chính phủ Việt Nam. Dữ liệu về lợi suất của trái phiếu kỳ hạn 10 (mười) năm của Chính phủ Việt Nam được lấy từ Reuters hoặc Bloomberg tại ngày đầu tiên của mỗi năm.

10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Việc phân phối lợi nhuận của Quỹ cho Nhà đầu tư sẽ do Đại hội Nhà đầu tư hoặc Ban Đại diện Quỹ quyết định phù hợp với các quy định tại Điều lệ Quỹ theo đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ trên cơ sở các báo cáo tài chính giữa niên độ đã kiểm toán xác nhận khả năng có đủ lợi nhuận để phân phối.

Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

Lợi nhuận của Quỹ sẽ không được phân phối nếu sau khi phân phối:

- Quỹ không đủ khả năng tài chính để hoàn thành các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ tài sản, các khoản nợ đến hạn theo quy định của pháp luật; hoặc
- Giá trị tài sản ròng của Quỹ dưới mức tối thiểu theo quy định của pháp luật.

11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị quỹ

Trong kỳ, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

1. Cơ cấu tài sản quỹ

Cơ cấu tài sản quỹ	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 (%)	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 (%)	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 (%)
Danh mục chứng khoán	83,38	90,52	94,50
Tài sản khác	16,62	9,48	5,50
Tổng cộng	100,00	100,00	100,00

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

STT	Chỉ tiêu	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 30 tháng 6 năm 2023
1	Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VNĐ)	442.023.313.972	315.975.103.708	211.250.053.259
2	Tổng số chứng chỉ quỹ ("CCQ") đang lưu hành	12.866.125,30	10.082.756,46	8.082.337,13
3	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ	34.355,58	31.338,16	26.137,24
4	Giá trị tài sản ròng cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	34.355,58	32.215,74	26.351,52
5	Giá trị tài sản ròng thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	29.331,63	27.615,68	23.604,47
6	Giá cuối ngày trên 1 đơn vị quỹ tại ngày báo cáo (a)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
7	Giá cuối ngày cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo (a)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
8	Giá cuối ngày thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo (a)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
9	Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo (b)	3,46	13,48	10,68
9.1	Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo (Thay đổi do biến động giá) (b)	2,74	12,55	9,39
9.2	Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo (Tính trên thu nhập đã thực hiện) (b)	0,72	0,93	1,29
10	Phân phối gộp trên 1 đơn vị quỹ (c)	-	-	-
11	Phân phối ròng trên 1 đơn vị quỹ (c)	-	-	-
12	Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) (c)	-	-	-
13	Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	1,88	2,04	2,14
14	Tốc độ vòng quay danh mục (%)	16,48	23,88	8,72

(a) Chứng chỉ quỹ của Quỹ không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

(b) Phần phân tách tăng trưởng/1 đơn vị quỹ thành tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ và tăng trưởng vốn/1 đơn vị quỹ chỉ mang tính tương đối.

(c) Quỹ chưa áp dụng chính sách phân phối lợi nhuận.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ

<i>Giai đoạn</i>	<i>Tăng trưởng của giá trị tài sản ròng của Quỹ trên một đơn vị quỹ (%)</i>	<i>Lợi nhuận tham chiếu của Quỹ (%)</i>
6 tháng (từ 1/1/2025 đến 30/6/2025)	3,46	5,05
1 năm (từ 30/6/2024 đến 30/6/2025)	9,63	6,56
3 năm (từ 30/6/2022 đến 30/6/2025)	34,45	13,09
3 năm (bình quân năm)	10,37	4,19
Từ khi thành lập	243,56	128,50
Từ khi thành lập (bình quân năm)	11,30	7,43

4. Tăng trưởng hàng năm

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Từ đầu năm đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 (%)</i>	<i>Năm 2024 (%)</i>	<i>Năm 2023 (%)</i>
Tăng trưởng của giá trị tài sản ròng của Quỹ/1 đơn vị quỹ	3,46	20,24	16,94

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ

1. Kinh tế vĩ mô

Tăng trưởng GDP tăng tốc lên 7,5% trong nửa đầu năm 2025, là mức cao nhất của sáu tháng đầu năm trong giai đoạn 2011-2025:

- ▶ Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng trưởng 10,1% trong nửa đầu năm, tiếp tục là động lực tăng trưởng chính của khu vực công nghiệp và xây dựng, vốn tăng 8,3% trong sáu tháng đầu năm 2025 (đóng góp 42,2% vào tổng mức tăng trưởng GDP), ngành xây dựng tăng 9,6%, ngành khai khoáng tiếp tục suy giảm ở mức -4,3%.
- ▶ Khu vực dịch vụ tăng 8,1% so với cùng kỳ – mức cao kỷ lục nếu không tính năm 2022, năm đầu tiên hồi phục sau Covid – đóng góp 52,2% vào tổng mức tăng trưởng GDP từ đầu năm.
- ▶ Khu vực nông, lâm, ngư nghiệp tiếp tục tăng trưởng ổn định ở mức 3,8%, đóng góp 5,6% vào tăng trưởng chung.
- ▶ Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng trưởng chậm lại đôi chút sau kỳ nghỉ lễ cuối tháng 4, nhưng vẫn duy trì ở mức cao với tăng trưởng 9,3% so với cùng kỳ theo giá hiện hành và tăng 7,2% nếu loại trừ yếu tố tăng giá, cao hơn mức 8,9% và 6,0% của nửa đầu năm 2024.
- ▶ Sau khi đạt 50,5 điểm trong tháng 3, chỉ số PMI giảm xuống chỉ còn 48,9 điểm trong tháng 6 do lượng đơn đặt hàng xuất khẩu sụt giảm mạnh, dù sản lượng sản xuất có cải thiện nhẹ.
- ▶ Xuất khẩu ghi nhận số lượng đơn đặt hàng cao hơn, tăng 14,5% so với cùng kỳ trong nửa đầu năm 2025, hầu hết các nhóm hàng đều tăng trưởng tốt, dẫn đầu là thiết bị điện tử (tăng 40,0% so với cùng kỳ) và máy móc thiết bị (tăng 15,4% so với cùng kỳ).
- ▶ Lạm phát ở mức 3,3% và duy trì dưới ngưỡng 4,5% được Chính phủ đề ra từ đầu năm.

Tỷ giá là điểm dễ tổn thương nhất trước bối cảnh bất ổn toàn cầu gia tăng. VNĐ giảm 2,9% từ đầu năm, dù chỉ số DXY (chỉ số đo lường sức mạnh của USD) giảm mạnh 10,8% từ đầu năm. Lượng cung tiền M2 cần được theo dõi sát khi chỉ số này đã tăng mạnh từ mức 2,0% so với cùng kỳ vào cuối quý 1 lên 7,1% vào cuối tháng 6 năm 2025. Điều này có thể là dấu hiệu cảnh báo về áp lực lạm phát gia tăng do chính sách tài khóa mở rộng, nhưng cũng có thể phản ánh các biện pháp tạm thời của Ngân hàng Nhà nước nhằm đảm bảo thanh khoản, giúp ổn định lãi suất và tỷ giá.

2. Thị trường trái phiếu

Tính đến cuối tháng 6, Kho bạc Nhà nước đã gọi thầu thành công 201,4 nghìn tỷ đồng, hoàn thành 40,3% kế hoạch phát hành năm. Tại thời điểm cuối tháng 6 năm 2024, trái phiếu có kỳ hạn 5 năm giao dịch quanh mức 2,67%, 38 điểm phần trăm cao hơn mức cuối tháng 12 năm ngoái. Kỳ hạn 10-15 năm giao dịch quanh mức 3,22%-3,34%, tương ứng với mức tăng 25 điểm phần trăm so với cuối quý 4 năm 2024. Lợi tức trái phiếu có kỳ hạn dài 20-30 năm tăng trong biên độ 23 điểm trong nửa đầu năm.

Đối với hoạt động phát hành riêng lẻ trái phiếu doanh nghiệp, tính từ đầu năm đến hết tháng 6, khối lượng phát hành đạt 216,9 nghìn tỷ đồng, cao hơn 47,5% so với 6 tháng 2024. Ngân hàng tiếp tục là tổ chức phát hành lớn nhất, chiếm 71,1% tổng khối lượng phát hành trong nửa đầu năm. Trên thị trường phát hành ra công chúng, các tổ chức phát hành chào bán thành công 27,9 nghìn tỷ đồng trong 6 tháng đầu năm 2025. Lợi tức trên thị trường nhìn chung đi ngang từ đầu năm đến nay, với trái phiếu tăng vốn kỳ hạn 7-8 năm do các ngân hàng nhóm 1 phát hành có mức chênh lệch lợi tức (spread) so với lãi suất huy động 12 tháng khoảng 1,0-1,1%, nhóm 2 là 1,3-1,5% và nhóm 3 là 1,7-1,8%. Trái phiếu do các doanh nghiệp bất động sản phát hành có lãi suất năm đầu tiên dao động từ 8% đến 12%, tuy nhiên có thể kèm theo một số điều kiện bổ sung đối với mức lãi suất thấp 8%.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ (tiếp theo)

3. Thị trường cổ phiếu

VN-Index bắt đầu năm 2025 với sự thận trọng ban đầu trong tháng 1, ghi nhận mức giảm nhẹ do ảnh hưởng từ quá trình chuyển giao tổng thống Mỹ và kỳ nghỉ Tết dài. Thị trường nhanh chóng đảo chiều phục hồi vào cuối tháng 1 và tháng 2, được thúc đẩy bởi nhóm ngành ngân hàng, những lo ngại về thuế quan toàn cầu giảm bớt, môi trường vĩ mô trong nước ổn định và các chính sách thúc đẩy kinh tế của Chính phủ. Thị trường duy trì đà tăng trong tháng 3, đẩy VN-Index lên mức cao nhất trong nhiều năm, chủ yếu nhờ các cổ phiếu liên quan đến Vingroup và tiến độ tích cực của hệ thống giao dịch mới KRX. Tuy nhiên, cuối tháng 3 chứng kiến một đợt điều chỉnh nhỏ do nhà đầu tư nước ngoài rút ròng liên tục và tâm lý thận trọng gia tăng trước thông báo thuế quan của Tổng thống Mỹ vào ngày 02 tháng 4. Tháng 4 chứng kiến sự biến động lớn khi Mỹ thông báo mức thuế đối ứng với các nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam với mức thuế rất cao 46%. Điều này đã gây ra một đợt sụt giảm mạnh trên thị trường, đẩy VN-Index xuống mức thấp nhất trong 16 tháng. Tuy nhiên, thị trường đã có một đợt phục hồi vào giữa tháng 4 sau khi Mỹ tạm dừng áp các mức thuế này. Đà phục hồi này kéo dài sang tháng 5 và tháng 6, giúp VN-Index đạt được mức tăng tốt trong nửa đầu năm. Các động lực chính bao gồm đà tăng mạnh của cổ phiếu các doanh nghiệp thuộc Vingroup, nền tảng kinh tế vẫn ổn định, căng thẳng thương mại toàn cầu giảm bớt, kết quả tích cực ban đầu từ các cuộc đàm phán thuế quan Việt Nam – Hoa Kỳ, và sự trở lại của nhà đầu tư nước ngoài sau một thời gian dài bán ròng.

Nửa đầu năm 2025, VN-Index ghi nhận mức tăng 8,6%, vượt trội so với SET của Thái Lan (-22,2%), FBMKLCI của Malaysia (-6,7%), PCOMP của Philippines (-2,5%) và JCI của Indonesia (-2,1%).

Thanh khoản thị trường ghi nhận mức giảm 15,3% so với cùng kỳ năm 2024, đạt bình quân 794,8 triệu USD/ngày. Tuy nhiên, thanh khoản đã có cải thiện trong Quý 2 (+32,8% QoQ), bất chấp đợt điều chỉnh của thị trường chứng khoán trong tháng 4. Trong khi những lo ngại ban đầu về thuế quan đã tạo ra rủi ro cho thị trường, môi trường lãi suất thấp hiện hành đã khuyến khích dòng vốn nội địa quay lại thị trường, tận dụng thời điểm mặt bằng định giá cổ phiếu hấp dẫn. Sau đó, những diễn biến tích cực hơn liên quan đến thương mại toàn cầu đã củng cố thêm sự thay đổi trong tâm lý nhà đầu tư và cải thiện thanh khoản thị trường.

Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục chuỗi bán ròng trong nửa đầu năm 2025, dẫn đến dòng vốn ròng rút khỏi thị trường đạt 1,7 tỷ USD kể từ đầu năm. Tuy nhiên, sau một thời gian bán ròng, xu hướng này bắt đầu chậm lại với tháng 5 ghi nhận mức mua ròng 18,1 triệu USD và sau đó là bán ròng 56,8 triệu USD trong tháng 6.

Về hiệu suất theo vốn hóa thị trường: các cổ phiếu vốn hóa lớn, đại diện bởi chỉ số VN30, tăng 9,9%. Ngược lại, các cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ có hiệu suất thấp hơn, với chỉ số VN70 tăng 5,0% và VN50 chỉ tăng 0,3%.

Về hiệu suất ngành, sáu trong số mười một ngành theo phân loại GICS ghi nhận mức tăng trưởng dương. Tuy nhiên, chỉ có ngành Bất động sản (+58,4%) và Công nghiệp (+14,6%) có mức tăng trưởng cao. Đà tăng của ngành Bất động sản chủ yếu được thúc đẩy bởi hiệu suất của VIC (+135,7%) và VHM (+91,8%). Tương tự, hiệu suất của ngành Công nghiệp được củng cố bởi sự đóng góp từ HVN (+32,3%), GEE (+248,9%) và GEX (+109,5%). Ngược lại, ngành Công nghệ Thông tin (-19,3%) thể hiện hiệu suất thấp nhất, bị ảnh hưởng bởi FPT (-21,8%). Cổ phiếu ngành Năng lượng giảm bình quân 5,3%, chủ yếu do giá dầu giảm. Ngành Tài chính, ngành lớn nhất theo vốn hóa thị trường, chỉ tăng 5,5%. Ngoại trừ một vài cổ phiếu ngân hàng có hiệu suất tốt, đa phần các cổ phiếu ngân hàng tăng trưởng thấp trong kỳ, do bất ổn kinh tế vĩ mô, cạnh tranh về lãi suất cho vay và kết quả kinh doanh quý 1 thấp hơn kỳ vọng chung của thị trường.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>1 năm đến thời điểm báo cáo (%)</i>	<i>Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)</i>
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ (a)	1,71	Không áp dụng
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị quỹ (a)	7,92	Không áp dụng
Tăng trưởng hàng năm/1 đơn vị quỹ	9,63	11,30
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	Không áp dụng	Không áp dụng
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị quỹ	Không áp dụng	Không áp dụng

(a) Phần phân tách tăng trưởng/1 đơn vị quỹ thành tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ và tăng trưởng vốn/1 đơn vị quỹ chỉ mang tính tương đối.

Thay đổi giá trị tài sản ròng:

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VNĐ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VNĐ</i>	<i>Tỷ lệ thay đổi (%)</i>
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	442.023.313.972	315.975.103.708	39,89
Giá trị tài sản ròng (NAV)/ 1 đơn vị quỹ	34.355,58	31.338,16	9,63



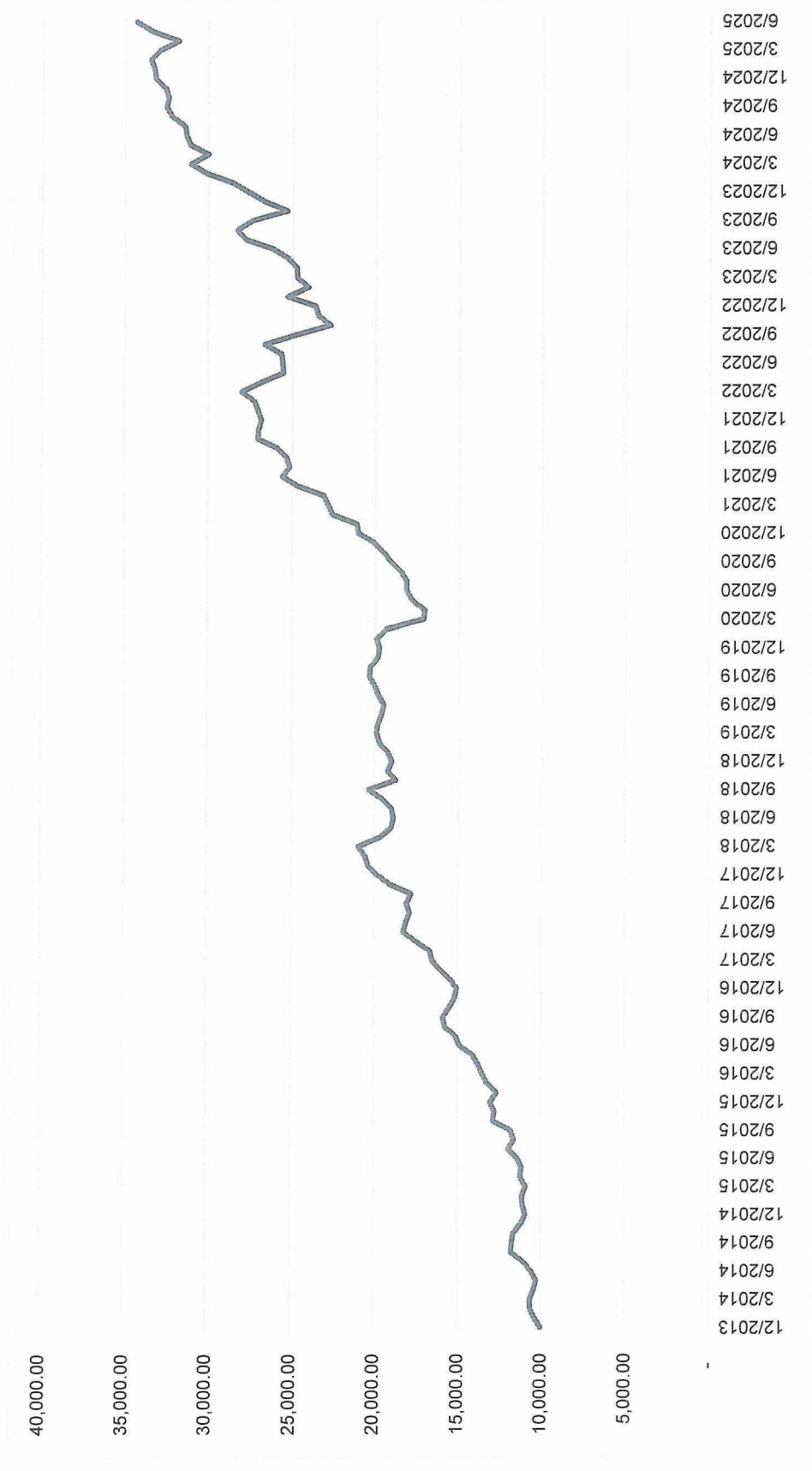
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ (tiếp theo)

Biểu đồ thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị quỹ hàng tháng của Quỹ:



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Quy mô nắm giữ (chứng chỉ quỹ)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Dưới 5.000	7.457	3.418.328,71	26,57
Từ 5.000 đến 10.000	214	1.492.806,08	11,60
Từ 10.000 đến 50.000	151	2.867.892,07	22,29
Từ 50.000 đến 500.000	13	1.253.070,56	9,74
Trên 500.000	2	3.834.027,88	29,80
Tổng cộng	7.837	12.866.125,30	100,00

3. Chi phí ngấm và giảm giá: Không có

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

1. Thị trường Cổ phiếu

Cách tiếp cận chủ động của Chính phủ Việt Nam trong cuộc đàm phán thương mại đã mang lại kết quả tích cực khi Tổng thống Hoa Kỳ công bố mức thuế nhập khẩu 20% đối với hàng hóa sản xuất tại Việt Nam và 40% với “hàng hóa trung chuyển”. Mức thuế này thấp đáng kể so với mức thuế đối ứng 46% thông báo ban đầu và thấp hơn mức 55% sẽ áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu từ Trung Quốc. Mức thuế này cũng tương đương mức thuế 19% mà Hoa Kỳ sẽ áp lên hàng hóa nhập khẩu từ một số quốc gia trong khu vực như Indonesia (19%), Philippines (19%). Để đánh giá toàn diện tác động của thuế quan đến vị thế cạnh tranh của Việt Nam trong thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), chúng tôi cần có thêm thông tin chi tiết về các điều khoản trong thỏa thuận, đặc biệt là định nghĩa “hàng hóa trung chuyển”, cũng như kết quả đàm phán thương mại giữa Hoa Kỳ và các nước khác như Ấn Độ. Nếu các mức thuế không quá chênh lệch, chúng tôi tin rằng Việt Nam sẽ duy trì được sức hút đối với dòng vốn FDI.

Với rủi ro thuế quan suy giảm, chúng tôi duy trì quan điểm lạc quan về triển vọng kinh tế Việt Nam. Các động lực tăng trưởng chính vẫn được duy trì. Chính phủ sẽ tiếp tục đẩy mạnh giải ngân đầu tư công đặc biệt trong bối cảnh nợ công chỉ ở mức 34,7% GDP¹. Trong năm 2025, ngân sách đầu tư công 825,5 nghìn tỷ đồng, cao hơn 21% so với năm trước. Bên cạnh đó, mức giảm 2% thuế giá trị gia tăng đã được phê chuẩn kéo dài đến cuối năm 2026 nhằm thúc đẩy tiêu dùng. Chính phủ cũng đang triển khai nhiều cải cách hành chính nhằm tinh gọn bộ máy và dự kiến các nỗ lực này sẽ giúp tiết kiệm khoảng 38,1 nghìn tỷ đồng chi thường xuyên hàng năm² trong tương lai. Nhờ đó, Việt Nam sẽ có thêm dư địa đầu tư vào hạ tầng và các chương trình khác nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Đầu tư hạ tầng sẽ thúc đẩy sự phát triển của nhiều khu vực kinh tế - xã hội, trong đó có du lịch – ngành vốn đang phục hồi mạnh mẽ. Trong 6 tháng đầu năm, Việt Nam đón 10,7 triệu lượt khách quốc tế (+21% so với cùng kỳ³) và vì vậy có khả năng hoàn thành mục tiêu cả năm là 22–23 triệu lượt khách, (+25–30,7%⁴ so với cùng kỳ).

¹ vnexpress.vn, 24.04.2025: Nợ công 2024 gần 4,3 triệu tỷ đồng

² thanhnien.vn, 27.05.2025: Giảm 130.000 biên chế sau sáp nhập tỉnh, tiết kiệm 38.100 tỷ mỗi năm

³ vnexpress.net, 05.07.2025: Gần 11 triệu lượt khách quốc tế đến Việt Nam 6 tháng đầu năm

⁴ bvhttdl.gov.vn, 26.12.2024: Du lịch Việt Nam phấn đấu đón 22-23 triệu lượt khách quốc tế năm 2025

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

1. Thị trường Cổ phiếu (tiếp theo)

Để đạt mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2025 tối thiểu 8%⁵, Chính phủ sẽ tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng, đặc biệt khi lạm phát vẫn trong tầm kiểm soát. Tuy nhiên, áp lực tỷ giá vẫn là một thách thức. Mặc dù chỉ số DXY đã giảm 8,7% từ đầu năm đến cuối tháng 7⁶, những lo ngại về thuế quan và chênh lệch lãi suất giữa VND và USD tiếp tục tạo sức ép lên đồng nội tệ. Dù vậy, áp lực tỷ giá tỷ giá được dự báo sẽ suy giảm trong những quý tới, khi rủi ro thuế quan đã giảm đáng kể và Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) có thể nới lại việc cắt giảm lãi suất trong năm 2025. Lạm phát tại Mỹ đã chậm lại, chỉ còn tăng 2,7%⁷ trong tháng 6 so với cùng kỳ, trong khi lãi suất điều hành vẫn duy trì ở mức cao (4,25%–4,5%). Bên cạnh đó, khả năng thị trường chứng khoán Việt Nam được tổ chức FTSE Russell quyết định nâng hạng trong kỳ đánh giá tháng 9 tới cũng sẽ hỗ trợ đồng nội tệ. Trong năm 2024 và nửa đầu 2025, nhà đầu tư nước ngoài bán ròng khoảng 5,4 tỷ USD cổ phiếu Việt Nam. Nếu được nâng hạng, Việt Nam có thể chiếm tỷ trọng 0,3% trong rổ chỉ số, qua đó thu hút khoảng 1 tỷ USD từ các quỹ chỉ số.

Dù tiến trình đàm phán thương mại toàn cầu vẫn tiềm ẩn rủi ro, chúng tôi cho rằng môi trường vĩ mô hiện tại của Việt Nam vẫn thuận lợi cho thị trường cổ phiếu. VN-Index đang giao dịch ở mức P/E 13,2 lần thu nhập 12 tháng gần nhất, thấp hơn mức trung vị 10 năm là 14,4 lần⁸. Định giá thị trường dựa trên lợi nhuận tương lai sẽ trở nên hấp dẫn hơn vì các chính sách hỗ trợ tăng trưởng và mặt bằng lãi suất thấp sẽ tạo điều kiện cho doanh nghiệp mở rộng kinh doanh và tăng trưởng lợi nhuận.

2. Thị trường Trái phiếu

Trên thị trường quốc tế, đồng USD tiếp tục suy yếu trong Quý 2 với chỉ số DXY giảm 7%, dẫn đến mức giảm lũy kế từ đầu năm đến nay là 10,7%. Tuy nhiên, đồng VND vẫn mất giá 2,1% trong Quý 2 và 2,5% tính từ đầu năm. Áp lực lên VND tăng mạnh trong tháng 4 do lo ngại về những tác động nghiêm trọng đến kinh tế Việt Nam nếu mức thuế đối ứng 46% được áp dụng, nhưng sau đó đã giảm bớt trong tháng 5 khi xuất hiện nhiều thông tin tích cực hơn liên quan đến đàm phán thương mại. Tuy vậy, đà mất giá của VND lại tăng tốc trong tháng 6, đặc biệt là nửa cuối tháng, do sự kết hợp của (i) chênh lệch lợi tức âm giữa lãi suất liên ngân hàng VND và USD, và (ii) nhu cầu USD tăng cao phục vụ nhập khẩu. Bên cạnh đó, các ngân hàng thương mại đã đẩy mạnh giải ngân tín dụng nhằm hoàn thành chỉ tiêu 6 tháng đầu năm 2025 (tăng trưởng tín dụng 6 tháng đầu năm đạt 9,9%), trong khi Chính phủ cũng thúc đẩy giải ngân đầu tư công để hỗ trợ tăng trưởng (giải ngân đầu tư công 6 tháng đầu năm tăng 37,4% so với cùng kỳ). Tất cả những yếu tố này đã và dự kiến sẽ tiếp tục góp phần làm tăng lợi tức trong nửa cuối năm 2025.

Đối với thị trường trái phiếu doanh nghiệp, hoạt động phát hành trái phiếu riêng lẻ ở nhóm các ngân hàng sẽ tiếp tục sôi động trong năm 2025. Để đạt mục tiêu tăng trưởng kinh tế trên 8% của Chính phủ, tăng trưởng tín dụng có thể sẽ vượt kế hoạch 16%, theo đó nhu cầu vốn của các ngân hàng thương mại sẽ cao hơn. Đối với hoạt động phát hành riêng lẻ của các tổ chức phi tín dụng, kỳ vọng hoạt động phát hành sẽ sôi động hơn do đầu tư của khu vực kinh tế tư nhân dự kiến sẽ khởi sắc hơn khi bức tranh thuế quan rõ nét hơn và các chính sách phát triển kinh tế tư nhân đi vào thực tiễn. Trên thị trường phát hành ra công chúng, chưa có tín hiệu cho thấy sẽ có nhiều đợt chào bán hơn từ các tổ chức phi tín dụng trong năm 2025. Theo đó, lãi suất huy động của các ngân hàng dự kiến sẽ tăng, còn lợi tức trái phiếu doanh nghiệp dự kiến sẽ tiếp tục dao động trong khoảng 9%-12%.

⁵ tapchicongthuong.vn, 04.07.2025: Tăng trưởng GDP 6 tháng cao nhất trong gần 20 năm, Thủ tướng chỉ đạo kiên định mục tiêu

⁶ LSEG Workspace, 31.07.2025

⁷ bls.gov, 15.07.2025: Consumer price index

⁸ LSEG Workspace, 08.07.2025

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN KHÁC

Thông tin về từng nhân sự điều hành quỹ, Ban Đại diện quỹ, và Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ đã được trình bày đầy đủ tại Bản cáo bạch của Quỹ.



Bà Nguyễn Thị Hằng Nga
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2025



BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Chiến Lược VCBF (“Quỹ” hoặc “VCBF – TBF”) cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 06 năm 2025, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 06 năm 2025, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.
- Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ, Sổ tay định giá đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt và các văn bản pháp luật liên quan.
- Phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 06 năm 2025, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận và không chi trả cổ tức cho nhà đầu tư.

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Nguyễn Thuỳ Linh

Phó phòng Dịch vụ Nghiệp vụ Giám sát Quỹ

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT

Trịnh Thị Vân Anh

Nhân viên phòng Dịch vụ Nghiệp vụ Giám sát Quỹ



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 11717125/E-69099028/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các nhà đầu tư của Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF (“Quỹ”) được lập ngày 14 tháng 8 năm 2025 và được trình bày từ trang 18 đến trang 60, bao gồm báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo thu nhập giữa niên độ, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ

Ban Điều hành của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank là Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

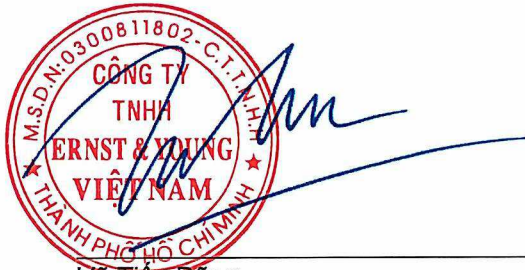


Shape the future
with confidence

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ và danh mục đầu tư của Quý vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Vũ Tiến Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3321-2025-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2025

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

B01g-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VNĐ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VNĐ
01	I. THU NHẬP HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		18.550.235.707	34.934.543.024
02	1.1 Cổ tức được chia		2.549.200.894	1.588.970.294
03	1.2 Tiền lãi được nhận	14	4.233.803.476	3.542.374.540
04	1.3 (Lỗ)/lãi bán các khoản đầu tư	15	(159.152.573)	2.160.017.409
05	1.4 Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	11.926.383.910	27.643.180.781
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		59.762.472	50.816.864
11	2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	16	59.762.472	50.816.864
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ		3.768.081.279	2.742.961.836
20.1	3.1 Phí quản lý Quỹ mở	24.1	3.031.307.273	2.047.571.556
20.2	3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở	17	90.169.356	84.672.118
20.3	3.3 Phí dịch vụ giám sát	24.2	105.600.000	105.600.000
20.4	3.4 Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở	24.2	224.400.000	224.400.000
20.5	3.5 Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng		66.000.000	66.000.000
20.7	3.6 Chi phí họp, Đại hội Quỹ mở		108.115.939	76.641.964
20.8	3.7 Chi phí kiểm toán		73.907.507	70.890.492
20.10	3.8 Chi phí hoạt động khác	18	68.581.204	67.185.706
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		14.722.391.956	32.140.764.324
30	VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		14.722.391.956	32.140.764.324
31	6.1 Lợi nhuận đã thực hiện		2.796.008.046	4.497.583.543
32	6.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	5	11.926.383.910	27.643.180.781
40	VII. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")		-	-
41	VIII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		14.722.391.956	32.140.764.324

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 14 tháng 8 năm 2025

Bà Lê Vân
Trưởng phòng Dịch vụ Quỹ và Danh mục

Bà Nguyễn Minh Hằng
Người lập biểu

Bà Nguyễn Thị Hằng Nga
Tổng Giám đốc

Bà Trần Thị Hà Linh
Kế toán Trưởng

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

B02g-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VNĐ
100	I. TÀI SẢN			
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	4	70.451.833.260	60.186.025.243
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở		25.813.280.321	41.030.724.838
112	1.2 Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng		44.638.552.939	19.155.300.405
120	2. Các khoản đầu tư thuần		376.732.607.746	320.936.715.724
121	2.1 Các khoản đầu tư	5	376.732.607.746	320.936.715.724
130	3. Các khoản phải thu		2.243.272.321	3.104.394.661
133	3.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		2.243.272.321	3.104.394.661
136	3.1.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	6	2.243.272.321	3.104.394.661
100	TỔNG TÀI SẢN		449.427.713.327	384.227.135.628
300	II. NỢ PHẢI TRẢ			
312	1. Phải trả về mua các khoản đầu tư		3.121.229.832	-
313	2. Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	7	292.940.093	185.329.258
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		41.886.260	22.021.463
316	4. Chi phí phải trả	8	100.907.507	27.000.000
317	5. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	9	3.104.189.336	1.260.859.118
318	6. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ	10	124.680.153	957.939.716
319	7. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	11	613.607.270	555.188.252
320	8. Phải trả, phải nộp khác		4.958.904	-
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		7.404.399.355	3.008.337.807
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ		442.023.313.972	381.218.797.821
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư		128.661.253.000	114.806.724.900
412	1.1 Vốn góp phát hành	12	397.708.559.000	367.833.969.900
413	1.2 Vốn góp mua lại	12	(269.047.306.000)	(253.027.245.000)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư		98.352.996.676	66.125.400.581
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	13	215.009.064.296	200.286.672.340
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN MỘT CHỨNG CHỈ QUỸ	12	34.355,58	33.205,26

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

B02g-QM

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 Chứng chỉ quỹ	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Chứng chỉ quỹ
004	1. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	20	12.866.125,30	11.480.672,49

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 14 tháng 8 năm 2025

Bà Lê Văn
Trưởng phòng Dịch vụ quỹ và Danh mục



Bà Nguyễn Thị Hằng Nga
Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Minh Hằng
Người lập biểu

Bà Trần Thị Hà Linh
Kế toán Trưởng

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ
GIỮA NIÊN ĐỘ
 cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

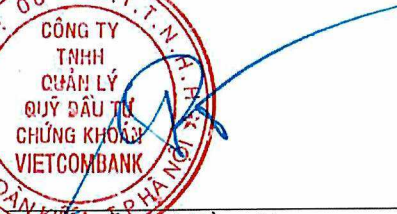
B03g-QM

STT	CHỈ TIÊU	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VNĐ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VNĐ
I	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở (NAV) đầu kỳ	381.218.797.821	221.145.924.718
II	Thay đổi NAV so với kỳ trước	14.722.391.956	32.140.764.324
II.1	<i>Trong đó:</i> - Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong kỳ	14.722.391.956	32.140.764.324
III	Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ	46.082.124.195	62.688.414.666
III.1	<i>Trong đó:</i> - Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ	98.274.973.564	84.871.871.113
III.2	- Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ	(52.192.849.369)	(22.183.456.447)
IV	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối kỳ	442.023.313.972	315.975.103.708

Hà Nội, Việt Nam
 Ngày 14 tháng 8 năm 2025


 Bà Lê Vân
 Trưởng phòng Dịch vụ quỹ và Danh mục




 Bà Nguyễn Thị Hằng Nga
 Tổng Giám đốc


 Bà Nguyễn Minh Hằng
 Người lập biểu


 Bà Trần Thị Hà Linh
 Kế toán Trưởng

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

B04g-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 VNĐ	Tổng giá trị VNĐ	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ (%)
I	Cổ phiếu			285.261.686.400	63,47
1	ACB	463.852	21.300	9.880.047.600	2,20
2	ACV	40.800	98.500	4.018.800.000	0,89
3	BID	192.767	36.300	6.997.442.100	1,56
4	BVH	149.490	53.100	7.937.919.000	1,77
5	BWE	238.466	47.950	11.434.444.700	2,54
6	CTD	96.000	85.500	8.208.000.000	1,83
7	CTG	260.847	41.900	10.929.489.300	2,43
8	CTR	51.000	102.800	5.242.800.000	1,17
9	DPR	100.000	41.150	4.115.000.000	0,92
10	FPT	200.426	118.200	23.690.353.200	5,27
11	GMD	108.100	57.900	6.258.990.000	1,39
12	HCM	249.480	21.400	5.338.872.000	1,19
13	HPG	576.080	22.700	13.077.016.000	2,91
14	IDC	125.000	44.200	5.525.000.000	1,23
15	MBB	886.808	25.800	22.879.646.400	5,09
16	MCH	14.100	126.700	1.786.470.000	0,40
17	MSN	39.000	76.800	2.995.200.000	0,67
18	MWG	266.480	65.500	17.454.440.000	3,88
19	NCT	25.400	110.500	2.806.700.000	0,62
20	NLG	157.706	39.100	6.166.304.600	1,37
21	PNJ	154.838	83.100	12.867.037.800	2,86
22	PVS	161.745	32.900	5.321.410.500	1,18
23	QNS	112.300	47.600	5.345.480.000	1,19
24	REE	46.000	68.100	3.132.600.000	0,70
25	SAB	54.800	47.000	2.575.600.000	0,57
26	STB	488.400	46.700	22.808.280.000	5,07
27	TCB	382.000	34.200	13.064.400.000	2,91
28	TLG	81.300	52.600	4.276.380.000	0,95
29	VHM	133.816	76.700	10.263.687.200	2,28
30	VIB	290.490	18.300	5.315.967.000	1,18
31	VIC	73.000	95.600	6.978.800.000	1,55
32	VNM	122.948	58.000	7.130.984.000	1,59
33	VPB	267.000	18.500	4.939.500.000	1,10
34	VRE	182.500	24.650	4.498.625.000	1,01

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

B04g-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 VNĐ	Tổng giá trị VNĐ	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ (%)
II	Trái phiếu				
1	Trái phiếu niêm yết			52.214.815.826	11,62
1.1	MML121021	230.000	100.728,356	23.167.521.880	5,15
1.2	MSN123008	120.000	102.900,479	12.348.057.480	2,75
1.3	TNG122017	36.000	101.586,671	3.657.120.156	0,81
1.4	TNG124027	60.000	100.200,014	6.012.000.840	1,34
1.5	VHM121025	70.000	100.430,221	7.030.115.470	1,57
2	Trái phiếu chưa niêm yết			35.834.069.520	7,97
2.1	BCM12406	180	99.095.457,000	17.837.182.260	3,97
2.2	NLG12501	180	99.982.707,000	17.996.887.260	4,00
III	Các loại chứng khoán khác			1.422.036.000	0,32
1	Quyền mua chứng khoán khác			1.422.036.000	0,32
1.1	HCM	249.480	5.700	1.422.036.000	0,32
IV	Các tài sản khác			2.243.272.321	0,50
1	Dự thu cổ tức			164.400.000	0,04
2	Dự thu lãi trái phiếu			2.017.242.466	0,45
3	Dự thu lãi tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi			61.629.855	0,01
V	Tiền			72.451.833.260	16,12
1	Tiền gửi ngân hàng			70.451.833.260	15,68
	Trong đó:				
1.1	- Tiền gửi thanh toán			25.813.280.321	5,74
1.2	- Các khoản tương đương tiền			44.638.552.939	9,94
2	Chứng chỉ tiền gửi			2.000.000.000	0,44
VI	Tổng giá trị danh mục			449.427.713.327	100,00

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 14 tháng 8 năm 2025

Bà Lê Văn
Trưởng phòng Dịch vụ quỹ và Danh mục

Bà Nguyễn Minh Hằng
Người lập biểu

Bà Nguyễn Thị Hằng Nga
Tổng Giám đốc

Bà Trần Thị Hà Linh
Kế toán Trưởng

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

B05g-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VNĐ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VNĐ
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		14.722.391.956	32.140.764.324
02	2. Điều chỉnh cho các khoản tăng giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư		(11.847.517.499)	(27.638.597.611)
03	Trong đó:			
03	Lãi đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	(11.926.383.910)	(27.643.180.781)
04	Chi phí trích trước		78.866.411	4.583.170
05	3. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		2.874.874.457	4.502.166.713
20	Tăng các khoản đầu tư		(43.869.508.112)	(46.306.433.878)
07	Giảm/(tăng) dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		861.122.340	(786.834.378)
10	Tăng phải trả cho người bán		3.121.229.832	224.764.230
11	Tăng phải trả các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ		107.610.835	98.796.899
13	Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		19.864.797	16.948.745
14	Tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ		1.843.330.218	522.074.796
15	Giảm phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ		(833.259.563)	-
16	Tăng phải trả, phải nộp khác		-	27.000.000
17	Tăng phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở		58.419.018	112.659.669
19	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(35.816.316.178)	(41.588.857.204)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ	12	98.274.973.564	84.871.871.113
32	2. Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ	12	(52.192.849.369)	(22.183.456.447)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		46.082.124.195	62.688.414.666
40	III. TĂNG TIỀN THUẦN TRONG KỲ		10.265.808.017	21.099.557.462

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

B05g-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VNĐ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VNĐ
50	IV. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	4	60.186.025.243	6.606.265.359
51	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		60.186.025.243	6.606.265.359
52	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở		56.819.202.805	5.991.516.805
	Trong đó:			
	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba (3) tháng		19.155.300.405	4.014.136.986
	Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ		37.663.902.400	1.977.379.819
53	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua và mua lại chứng chỉ quỹ		3.366.822.438	614.748.554
55	V. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	4	70.451.833.260	27.705.822.821
56	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:		70.451.833.260	27.705.822.821
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		67.222.963.771	26.568.999.471
	Trong đó:			
	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba (3) tháng		44.638.552.939	7.034.314.370
	Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ		22.584.410.832	19.534.685.101
58	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua và mua lại chứng chỉ quỹ		3.228.869.489	1.136.823.350
60	VI. CHÊNH LỆCH TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TRONG KỲ		10.265.808.017	21.099.557.462

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 14 tháng 8 năm 2025

Bà Lê Văn
Trưởng phòng Dịch vụ quỹ và Danh mục

Bà Nguyễn Thị Hằng Nga
Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Minh Hằng
Người lập biểu

Bà Trần Thị Hà Linh
Kế toán Trưởng

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 Thông tin về Quỹ

Quỹ

Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 44/GCN-UBCK ngày 16 tháng 9 năm 2013 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 07/GCN-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ").

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank, Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam). Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 06/UBCK-GPHĐQLQ ngày 2 tháng 12 năm 2005 và các giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy phép điều chỉnh số 32/GPĐC-UBCK ngày 14 tháng 5 năm 2024. Công ty Quản lý Quỹ được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0101842669 lần gần nhất vào ngày 11 tháng 7 năm 2024 (đăng ký lần đầu ngày 2 tháng 12 năm 2005), và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

Quy mô vốn

Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 6.042.661,45 chứng chỉ với tổng giá trị là 60.426.614.500 VNĐ, chiếm 120,85% tổng số chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VNĐ/đơn vị quỹ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 128.661.253.000 VNĐ, tương đương với 12.866.125,30 chứng chỉ quỹ.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 *Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ* (tiếp theo)

Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư vào các cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt. Tài sản có thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt bao gồm tiền gửi ngân hàng, giấy tờ có giá, trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu có bảo lãnh của Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp và các loại tài sản có thu nhập cố định khác. Trái phiếu doanh nghiệp chỉ được xem xét đầu tư khi trái phiếu đáp ứng được một số yêu cầu về an toàn và quy định của pháp luật. Việc điều chỉnh mục tiêu đầu tư của Quỹ cần phải được Nhà đầu tư biểu quyết theo quy định tại Điều lệ Quỹ, và nếu được chấp thuận, các điều chỉnh này sẽ được cập nhật vào Bản cáo bạch của Quỹ.

Chiến lược đầu tư

Quỹ sẽ chủ yếu đầu tư vào trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu có bảo lãnh của Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp. Trái phiếu doanh nghiệp chỉ được xem xét đầu tư nếu được phát hành bởi các công ty có chất lượng tín dụng cao và/hoặc trái phiếu được bảo lãnh bởi các ngân hàng có uy tín và thỏa mãn các yêu cầu của pháp luật.

Quỹ sẽ chủ yếu đầu tư vào một danh mục đầu tư đa dạng các cổ phiếu niêm yết có giá trị vốn hóa thị trường lớn và vừa trên HSX và HNX. Cổ phiếu được xem là có vốn hóa thị trường lớn và vừa là những cổ phiếu có vốn hoá thị trường lớn hơn hoặc bằng vốn hoá thị trường của cổ phiếu có vốn hóa nhỏ nhất trong rổ chỉ số VN100 của HSX.

Quỹ sẽ kết hợp cả chiến lược đầu tư tăng trưởng và chiến lược đầu tư giá trị. Trong việc tìm kiếm các đặc tính tăng trưởng bền vững, Quỹ đánh giá cơ hội thị trường trong dài hạn và tính cạnh tranh của từng ngành để nhắm đến các công ty đầu ngành và các công ty có triển vọng trở thành công ty đầu ngành. Trong việc đánh giá giá trị của công ty, Quỹ sẽ xem xét liệu giá chứng khoán đã phản ánh đầy đủ mối tương quan giữa cơ hội tăng trưởng bền vững với rủi ro kinh doanh và rủi ro tài chính hay chưa.

Quỹ sẽ sử dụng phương pháp tiếp cận từ dưới lên, tức là từ phân tích các chỉ số cơ bản của công ty để lựa chọn cổ phiếu đầu tư và lựa chọn các công ty trong nhiều ngành khác nhau. Tỷ trọng ngành trong danh mục đầu tư của Quỹ là kết quả của quy trình phân tích cơ bản công ty và vì vậy có thể khác với tỷ trọng ngành trong chỉ số tham chiếu.

Kỳ tính giá trị tài sản ròng (“NAV”)

NAV của Quỹ phải được xác định hàng tuần vào Ngày Giao Dịch hoặc những ngày mà NAV của Quỹ được xác định cho mục đích báo cáo (tuần, tháng, quý, năm) hoặc các mục đích khác.

Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ

Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ là định kỳ vào ngày thứ Ba, thứ Năm hàng tuần nếu ngày đó là ngày làm việc. Nếu ngày thứ Ba, thứ Năm không phải là ngày làm việc thì ngày giao dịch sẽ là ngày làm việc vào thứ Ba, thứ Năm tiếp theo.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn mức đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng được các điều kiện của Luật hiện hành. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc và các hạn mức đầu tư sau:

- a) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát, Quỹ không được đầu tư quá 49% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản gồm: tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng; công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- b) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- c) Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) dưới đây của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ:
 - i. Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - ii. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- d) Không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản dưới đây được phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại phụ lục số 14 ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC hướng dẫn về hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán:
 - i. Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - ii. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
 - iii. Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
 - iv. Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành. Việc đầu tư vào các tài sản này phải được Ban Đại Diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; và có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
 - v. Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ;

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn mức đầu tư (tiếp theo)

- e) Không được đầu tư quá 10% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tài sản là cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành. Việc đầu tư vào các tài sản này phải được Ban Đại Diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; và có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
- f) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá 40% tổng giá trị tài sản của Quỹ. Trong đó, hạng mục đầu tư lớn của Quỹ là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản dưới đây (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ 5% trở lên tổng giá trị tài sản của Quỹ:
 - i. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
 - ii. Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
 - iii. Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành. Việc đầu tư vào các tài sản này phải được Ban Đại Diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; và có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
 - iv. Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;
- g) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- h) Không được đầu tư vào Chứng Chỉ Quỹ của Quỹ VCBF - TBF;
- i) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
 - i. Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - ii. Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - iii. Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- j) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
- k) Phải có chứng khoán của ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành;
- l) Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn mức đầu tư (tiếp theo)

Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư đã quy định tại Khoản (a), (b), (c), (d), (e), (f) và (i) nêu trên và chỉ do các nguyên nhân sau:

- (i) Biến động giá trên thị trường của các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- (ii) Thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- (iii) Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
- (iv) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh; hoặc
- (v) Quỹ đang trong thời gian giải thể.

Trong trường hợp xảy ra sai lệch so với các hạn mức đầu tư vì các lý do quy định tại điểm (i), (ii), (iii), (iv) nêu trên, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư để đáp ứng các hạn mức đầu tư như được quy định trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày có sai lệch phát sinh.

Trong trường hợp sai lệch phát sinh vì Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn mức đầu tư như quy định bởi pháp luật hoặc Điều lệ hoặc Bản cáo bạch, Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày phát hiện ra sai lệch. Công ty Quản lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận đã có được cho Quỹ.

Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ được lập theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở được quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ("Thông tư 198") ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 98/2020/TT-BTC ("Thông tư 98") ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, Thông tư số 181/2015/TT-BTC ("Thông tư 181") ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục do Bộ Tài chính ban hành và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở giá gốc, ngoại trừ các khoản đầu tư được đo lường theo giá trị hợp lý (Thuyết minh 3.4).

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

2.1 *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng* (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa, không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, danh mục đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Theo Thông tư 198, báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập giữa niên độ
2. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ
4. Báo cáo danh mục đầu tư
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ
6. Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký Chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Quỹ áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Quỹ cũng lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 để nộp cho các cơ quan chức năng theo yêu cầu của Thông tư 198 và Thông tư số 96/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Quỹ là đồng Việt Nam ("VNĐ").

2.5 *Cam kết tuân thủ*

Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Quỹ sử dụng để lập báo cáo tài chính giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 và báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

3.2 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở yêu cầu Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ, tiền gửi của Nhà đầu tư về mua và mua lại chứng chỉ quỹ chờ xử lý, tiền gửi phong tỏa, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có thời hạn đáo hạn không quá ba (3) tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là mục đích khác.

3.4 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ bao gồm các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết, trái phiếu niêm yết và chưa niêm yết, chứng chỉ tiền gửi và các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng.

Nguyên tắc phân loại

Quỹ phân loại chứng khoán niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các chi phí liên quan phát sinh để có được các khoản đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi ngân hàng, giá mua chưa bao gồm lãi dự thu (giá sạch) được ghi nhận trên khoản mục “Các khoản đầu tư”. Phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận trên khoản mục “Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận” trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

2. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục “*Các khoản đầu tư*” trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ theo nguyên tắc như sau:

- ▶ Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng, chứng chỉ tiền gửi được ghi nhận theo giá trị hợp lý;
- ▶ Chứng khoán niêm yết, chưa niêm yết và các tài sản khác được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản này.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập giữa niên độ.

Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục “*Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư*” trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay Định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư số 98/2020/TT-BTC (“Thông tư 98”) ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và được Ban Đại diện Quỹ và Ngân hàng Giám sát phê duyệt. Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập giữa niên độ theo quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC (“Thông tư 198”) ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở.

Nguyên tắc định giá

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VNĐ)	Số dư tiền mặt tại ngày trước Ngày Định Giá.
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước Ngày Định Giá.
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Tiền gốc cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước Ngày Định Giá.
4.	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ (tiếp theo)		
5.	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá thị trường là giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do ban đại diện quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ (được chi tiết trong sổ tay định giá).
Trái phiếu		
6.	Trái phiếu niêm yết	- Giá thị trường là giá yết bình quân gia quyền (giá sạch) trên hệ thống giao dịch (hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá cộng lãi lũy kế; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá (không bao gồm Ngày Định Giá), hoặc không có giao dịch nào từ ngày có quyết định niêm yết đến Ngày Định Giá; hoặc giá trái phiếu có biến động bất thường (được chi tiết trong sổ tay định giá), là một trong các mức giá sau: + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; Trường hợp trái phiếu hủy niêm yết để làm thủ tục đáo hạn, giá tính theo phương pháp mệnh giá cộng lãi lũy kế.
7.	Trái phiếu không niêm yết	- Giá yết (giá sạch – clean price) (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc - Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc - Mệnh giá cộng lãi lũy kế; Trường hợp trái phiếu chính phủ/trái phiếu chính phủ bảo lãnh/trái phiếu chính quyền địa phương đấu thầu đang chờ niêm yết, giá tính theo phương pháp giá mua cộng lãi lũy kế.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Cổ phiếu		
8.	Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch	- Giá thị trường là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá) hoặc không có giao dịch nào từ ngày có quyết định niêm yết đến Ngày Định Giá, sử dụng một trong các phương pháp định giá sau: + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách. Trong thời gian chứng khoán đang làm thủ tục chuyển sàn thì dùng giá của ngày có giao dịch gần nhất trên sàn cũ.
9.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	Là một trong các mức giá sau: - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc - Giá trị sổ sách; hoặc - Mệnh giá;
10.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Là một trong các mức giá sau: - 80% (tám mươi phần trăm) giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước Ngày Định Giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
11.	Cổ phần, phần vốn góp khác	- Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá dựa trên báo giá của ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan của VCBF. - Trường hợp không có đủ báo giá của ba (03) tổ chức báo giá, sử dụng một trong các phương pháp sau: + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc + Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc + Giá trị sổ sách.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Cổ phiếu (tiếp theo)		
12.	Quyền mua cổ phiếu	Giá trị quyền mua = $\text{Max} \{0; (\text{Giá cổ phiếu} - \text{Giá phát hành cổ phiếu mới}) \times \text{tỷ lệ thực hiện quyền}\}$ Trong đó: $\text{Tỷ lệ thực hiện quyền} = \frac{\text{Số cổ phiếu được mua}}{\text{Số lượng quyền mua sở hữu}}$
Chứng khoán phái sinh		
13.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.
14.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá)	Giá xác định theo phương pháp được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận được nêu chi tiết trong sổ tay định giá.
Các tài sản khác		
15.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo phương pháp được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận được nêu chi tiết trong sổ tay định giá.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tại ngày giao dịch.

3.5 Giá trị tài sản ròng và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ

Giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày định giá được xác định bằng tổng giá trị các tài sản do Quỹ sở hữu trừ đi tổng nợ phải trả có liên quan (như giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ giám sát, giá dịch vụ lưu ký, giá dịch vụ quản trị quỹ, giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các khoản phải trả khác) tính đến ngày trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá và được làm tròn xuống đến hai (2) số thập phân.

3.6 Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn

3.6.1 Vốn chủ sở hữu

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại.

Vốn góp phát hành phản ánh số vốn nhà đầu tư góp ban đầu và góp bổ sung. Khi Công ty Quản lý Quỹ nhận được kết quả giải tỏa phong tỏa về số tiền thu hợp lệ khoản góp vốn đầu tư và kết quả xác nhận vốn góp nhà đầu tư hợp lệ của đại lý chuyển nhượng (trường hợp phát hành lần đầu); giấy báo có của Ngân hàng Giám sát kèm bảng phân bổ tiền thu mua lại chứng chỉ quỹ về số tiền thu hợp lệ của các nhà đầu tư (trường hợp phát hành các lần tiếp theo), Công ty Quản lý Quỹ sử dụng để làm căn cứ ghi nhận vốn góp phát hành.

Vốn góp mua lại phản ánh việc mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư. Căn cứ vào xác nhận của đại lý chuyển nhượng kèm bảng tổng hợp các lệnh mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ ghi nhận vốn góp mua lại.

Chênh lệch giữa vốn góp phát hành và vốn góp mua lại chính là vốn góp của nhà đầu tư.

Thặng dư vốn bao gồm: thặng dư vốn phát hành và thặng dư vốn mua lại.

- ▶ Thặng dư vốn phát hành là chênh lệch giữa giá phát hành chứng chỉ quỹ và mệnh giá.
- ▶ Thặng dư vốn mua lại là chênh lệch giữa giá mua lại chứng chỉ quỹ và mệnh giá.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.6 Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn (tiếp theo)

3.6.2 Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/lỗ chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Lợi nhuận chưa thực hiện là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi và lỗ đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Cuối niên độ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong kỳ và ghi nhận vào "*Lợi nhuận chưa phân phối*".

3.6.3 Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho nhà đầu tư

Khoản mục này phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối trong kỳ cho nhà đầu tư và việc kết chuyển số lợi nhuận đã phân phối sang tài khoản "*Lợi nhuận chưa phân phối*" vào cuối năm.

Quỹ mở ghi nhận lợi nhuận/tài sản phân phối cho nhà đầu tư theo Bản cáo bạch, Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được ủy quyền (ở kỳ gần nhất), Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ mở và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

3.7 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ bán các khoản đầu tư, cổ tức, tiền lãi từ các khoản đầu tư và các khoản phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ.

Mức trích lập dự phòng được thực hiện như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

3.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá gốc của các khoản phải trả cho hoạt động mua và mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và các khoản phải trả khác.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.9 Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu như sau:

3.9.1 Giá dịch vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng

Giá dịch vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng bao gồm Giá dịch vụ quản lý quỹ, Giá dịch vụ quản trị quỹ và Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng. Theo quy định của Thông tư số 102/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2021 quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam, giá dịch vụ quản lý quỹ đầu tư đại chúng mà Quỹ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ tối đa là 2% giá trị tài sản ròng ("NAV") của Quỹ/năm.

(i) Giá dịch vụ quản lý quỹ

Giá dịch vụ quản lý quỹ hằng năm tối đa sẽ là 1,50% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ. Mức giá dịch vụ quản lý quỹ cụ thể sẽ được VCBF công bố tùy theo từng thời điểm trên website của mình.

(ii) Giá dịch vụ quản trị quỹ

Giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,05% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ, với mức tối thiểu là 31.000.000 đồng một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ quản trị quỹ được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được thanh toán hàng tháng cho tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ.

(iii) Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 10.000.000 đồng một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được thanh toán hàng tháng cho đại lý chuyển nhượng.

3.9.2 Giá dịch vụ giám sát

Giá dịch vụ giám sát là 0,04% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 16.000.000 đồng một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ giám sát được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

3.9.3 Giá dịch vụ lưu ký

Giá dịch vụ lưu ký là 0,03% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 11.000.000 đồng một tháng. Giá dịch vụ trên không bao gồm các phí lưu ký phải thanh toán cho Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng Khoán Việt Nam, chi phí giao dịch và đăng ký chứng khoán. Giá dịch vụ lưu ký được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

3.9.4 Giá dịch vụ giao dịch chứng khoán

Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giao dịch chứng khoán là 220.000 VNĐ/giao dịch. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.9 Các khoản chi phí (tiếp theo)

3.9.5 Giá dịch vụ lập báo cáo tài chính

Giá dịch vụ lập báo cáo tài chính cho quỹ là 36.000.000 đồng một năm, tương đương với 3.000.000 đồng một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

3.10 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản cổ tức của Quỹ với tư cách là nhà đầu tư được xác lập.

Nhận cổ tức bằng cổ phiếu, Quỹ chỉ ghi nhận số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu được nhận.

Tiền lãi (bao gồm lãi tiền gửi, lãi chứng chỉ tiền gửi và lãi trái phiếu)

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập giữa niên độ khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch chứng khoán đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

3.11 Thuế

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 do Bộ Tài Chính ban hành ("Thông tư 25").

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.11 Thuế (tiếp theo)

Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư (tiếp theo)

Theo đó, khi Quỹ trả cổ tức cho các nhà đầu tư là tổ chức, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất và quy định của pháp luật hiện hành. Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% số cổ tức được chi trả.

Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán bằng 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015, Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 và các thông tư sửa đổi bổ sung do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty Quản lý Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập phát sinh từ giao dịch mua lại này.

3.12 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các Quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ, các cổ đông của Công ty Quản lý Quỹ, những chức danh quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan với Quỹ. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

3.13 Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ theo định nghĩa trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.14 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính giữa niên độ Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Quỹ quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua, không bao gồm các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Quỹ bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, chứng khoán niêm yết, chưa niêm yết và các khoản đầu tư khác, các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Quỹ xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Quỹ bao gồm các khoản phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả, phải trả cho nhà đầu tư về mua và mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở và các khoản phải trả, phải nộp khác.

Công cụ tài chính - Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Quỹ sử dụng phương pháp và các giả định như tại *Thuyết minh 23* để ước tính giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Quỹ có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

3.15 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về Chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

4. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VNĐ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VNĐ</i>
Tiền gửi tại Ngân hàng Giám sát và Lưu ký cho hoạt động của Quỹ mở	22.584.410.832	37.663.902.400
Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng	44.638.552.939	19.155.300.405
Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua và mua lại chứng chỉ quỹ	3.228.869.489	3.366.822.438
	70.451.833.260	60.186.025.243

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Chênh lệch do đánh giá lại				Giá trị đánh giá lại VNĐ
	Giá mua VNĐ	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý VNĐ	Chênh lệch tăng VNĐ	Chênh lệch giảm VNĐ	
Ngày 30 tháng 06 năm 2025					
Cổ phiếu niêm yết	203.638.233.979	285.261.686.400	86.812.273.715	81.623.452.421	285.261.686.400
Quyền mua chứng khoán (a)	-	1.422.036.000	1.422.036.000	1.422.036.000	1.422.036.000
Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết (b)	51.989.846.055	52.214.815.826	397.653.216	(172.683.445)	52.214.815.826
Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết (c)	35.989.972.623	35.834.069.520	-	(155.903.103)	35.834.069.520
Chứng chỉ tiền gửi	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000
	293.618.052.657	376.732.607.746	88.631.962.931	(5.517.407.842)	376.732.607.746
Ngày 31 tháng 12 năm 2024					
Cổ phiếu niêm yết	165.699.334.324	236.969.263.000	83.756.623.720	(12.486.695.044)	236.969.263.000
Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết	66.059.237.598	66.000.597.564	158.433.795	(217.073.829)	66.000.597.564
Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	17.989.972.623	17.966.855.160	-	(23.117.463)	17.966.855.160
	249.748.544.545	320.936.715.724	83.915.057.515	(12.726.886.336)	320.936.715.724
Ảnh hưởng từ chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư vào báo cáo thu nhập				11.926.383.910	

- (a) Quyền mua cổ phiếu mã HCM do Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh phát hành theo thông báo số 191/2025/CV-HSC ngày 9 tháng 6 năm 2025. Theo đó quyền mua cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ thực hiện quyền 2:1 (1 cổ phiếu được hưởng 1 quyền, 2 quyền được mua 1 cổ phiếu mới). Thời gian đăng ký đặt và nộp tiền mua từ ngày 14/7/2025 đến ngày 12/9/2025, thời gian chuyển nhượng quyền mua từ ngày 14/7/2025 đến ngày 9/9/2025, thời gian nhận tiền mua cổ phiếu từ ngày 14/7/2025 đến ngày 12/9/2025. Đến ngày lập báo cáo giữa niên độ này, Quý chưa thực hiện đăng ký mua cổ phiếu theo quyền mua được hưởng do chưa kết thúc thời hạn đăng ký và nộp tiền mua.
- (b) Trái phiếu do Công ty Cổ phần Vinhomes, Công ty Cổ phần Masan Meatlife, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG, Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan, kỳ hạn từ 4 đến 5 năm, lãi suất từ 8,575%/năm đến 10%/năm, lãi trả 3 tháng/lần hoặc 6 tháng/lần.
- (c) Trái phiếu do Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp và Công ty cổ phần Đầu tư Nam Long phát hành, kỳ hạn 3 năm kể từ ngày phát hành, lãi suất từ 9,8 đến 11%/năm, lãi trả 3 tháng/lần hoặc 6 tháng/lần.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

6. DỰ THU CỔ TỨC, TIỀN LÃI CHƯA ĐẾN NGÀY NHẬN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VNĐ
Dự thu tiền lãi từ trái phiếu	2.017.242.466	2.775.414.383
Dự thu cổ tức	164.400.000	267.074.000
Dự thu tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	51.142.184	61.906.278
Dự thu tiền lãi từ chứng chỉ tiền gửi	10.487.671	-
	2.243.272.321	3.104.394.661

7. PHẢI TRẢ CHO CÁC ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VNĐ
Phải trả Công ty Quản lý Quỹ	292.940.093	185.329.258

8. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VNĐ
Phí kiểm toán	73.907.507	-
Thù lao Ban đại diện Quỹ	27.000.000	27.000.000
	100.907.507	27.000.000

9. PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA CHỨNG CHỈ QUỸ

Là khoản tiền nhà đầu tư nộp mua chứng chỉ quỹ đang chờ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

10. PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA LẠI CHỨNG CHỈ QUỸ

Là khoản tiền đang chờ hoàn thành thủ tục thanh toán cho nhà đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

11. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ MỞ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VNĐ
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ	535.485.270	474.228.252
Phải trả dịch vụ quản trị quỹ	37.400.000	37.400.000
Phải trả dịch vụ giám sát	17.600.000	17.600.000
Phải trả dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	11.000.000	11.000.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	11.000.000	11.000.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	1.122.000	3.960.000
	613.607.270	555.188.252

12. TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025		
	Số dư đầu kỳ VNĐ	Phát sinh trong kỳ VNĐ	Số cuối kỳ VNĐ
Vốn góp phát hành			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	36.783.396,99	2.987.458,91	39.770.855,90
Giá trị ghi theo mệnh giá	367.833.969.900	29.874.589.100	397.708.559.000
Thặng dư vốn	340.742.051.655	68.400.384.464	409.142.436.119
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	708.576.021.555	98.274.973.564	806.850.995.119
Vốn góp mua lại			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	(25.302.724,50)	(1.602.006,10)	(26.904.730,60)
Giá trị ghi theo mệnh giá	(253.027.245.000)	(16.020.061.000)	(269.047.306.000)
Thặng dư vốn	(274.616.651.074)	(36.172.788.369)	(310.789.439.443)
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	(527.643.896.074)	(52.192.849.369)	(579.836.745.443)
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	11.480.672,49	1.385.452,81	12.866.125,30
Giá trị vốn góp hiện hành	180.932.125.481	46.082.124.195	227.014.249.676
Lợi nhuận chưa phân phối	200.286.672.340	14.722.391.956	215.009.064.296
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	381.218.797.821		442.023.313.972
Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ	33.205,26		34.355,58

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

13. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VNĐ
Lợi nhuận đã thực hiện	131.894.509.207	129.098.501.161
Lợi nhuận chưa thực hiện	83.114.555.089	71.188.171.179
	215.009.064.296	200.286.672.340

14. TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VNĐ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VNĐ
Tiền lãi từ trái phiếu	3.082.420.802	3.480.529.397
Tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	1.123.490.149	54.418.918
Tiền lãi từ tiền gửi không kỳ hạn	17.404.854	7.426.225
Tiền lãi từ chứng chỉ tiền gửi	10.487.671	-
	4.233.803.476	3.542.374.540

15. (LỖ)/LÃI BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025		
	Tổng giá trị bán trong kỳ VNĐ	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VNĐ	Lỗ bán chứng khoán trong kỳ VNĐ
Cổ phiếu niêm yết	1.555.460.000	1.633.210.345	(77.750.345)
Trái phiếu niêm yết	20.000.000.000	20.081.402.228	(81.402.228)
	21.555.460.000	21.714.612.573	(159.152.573)
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024		
	Tổng giá trị bán trong kỳ VNĐ	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VNĐ	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán trong kỳ VNĐ
Cổ phiếu niêm yết	5.917.190.000	3.727.208.718	2.189.981.282
Trái phiếu niêm yết	9.570.000.000	9.599.963.873	(29.963.873)
	15.487.190.000	13.327.172.591	2.160.017.409

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

16. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VNĐ</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VNĐ</i>
Chi phí giao dịch mua các khoản đầu tư	57.563.385	43.580.754
Chi phí giao dịch bán các khoản đầu tư	2.177.644	7.207.910
Chi phí giao dịch khác	21.443	28.200
	59.762.472	50.816.864

17. PHÍ DỊCH VỤ LƯU KÝ TÀI SẢN QUỸ MỞ

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VNĐ</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VNĐ</i>
Giá dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	66.000.185	66.000.000
Giá dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	14.102.000	11.440.000
Giá dịch vụ lưu ký cho chứng khoán cơ sở phải trả cho Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam	10.067.171	7.232.118
	90.169.356	84.672.118

18. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VNĐ</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VNĐ</i>
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	60.000.000	60.000.000
Phí quản lý thường niên trả Ủy ban	4.958.904	4.972.678
Chứng khoán Nhà nước	3.622.300	2.213.028
Phí ngân hàng		
	68.581.204	67.185.706

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

19. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025:

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ cuối tháng 12/2024	381.218.797.821	11.480.672,49	33.205,26	
Kỳ 1/Tháng 1/2025	381.223.629.828	11.480.672,49	33.205,68	0,42
Kỳ 2/Tháng 1/2025	377.157.720.266	11.511.149,26	32.764,55	(441,13)
Kỳ 3/Tháng 1/2025	380.132.717.312	11.574.708,52	32.841,66	77,11
Kỳ 4/Tháng 1/2025	377.689.031.754	11.577.883,49	32.621,59	(220,07)
Kỳ 5/Tháng 1/2025	378.834.917.267	11.638.203,03	32.550,98	(70,61)
Kỳ 6/Tháng 1/2025	384.330.202.450	11.688.190,89	32.881,92	330,94
Kỳ 7/Tháng 1/2025	386.358.640.749	11.764.040,33	32.842,34	(39,58)
Kỳ 8/Tháng 1/2025	392.365.117.331	11.791.704,95	33.274,67	432,33
Kỳ Cuối/Tháng 1/2025	392.371.280.189	11.791.704,95	33.275,19	0,52
Kỳ 1/Tháng 2/2025	388.583.708.004	11.791.704,95	32.953,98	(321,21)
Kỳ 2/Tháng 2/2025	393.600.981.856	11.839.458,10	33.244,84	290,86
Kỳ 3/Tháng 2/2025	393.734.566.898	11.875.317,27	33.155,70	(89,14)
Kỳ 4/Tháng 2/2025	395.920.607.475	11.928.098,35	33.192,26	36,56
Kỳ 5/Tháng 2/2025	394.976.600.972	11.948.151,05	33.057,55	(134,71)
Kỳ 6/Tháng 2/2025	400.947.456.855	12.041.506,70	33.297,11	239,56
Kỳ 7/Tháng 2/2025	407.023.275.584	12.123.313,30	33.573,60	276,49
Kỳ 8/Tháng 2/2025	407.026.313.873	12.131.447,21	33.551,34	(22,26)
Kỳ Cuối/Tháng 2/2025	407.041.853.145	12.149.749,59	33.502,07	(49,27)
Kỳ 1/Tháng 3/2025	407.775.928.094	12.149.749,59	33.562,49	60,42
Kỳ 2/Tháng 3/2025	411.378.704.001	12.258.662,42	33.558,20	(4,29)
Kỳ 3/Tháng 3/2025	419.937.592.992	12.383.531,52	33.910,97	352,77
Kỳ 4/Tháng 3/2025	420.334.601.610	12.447.597,19	33.768,33	(142,64)
Kỳ 5/Tháng 3/2025	417.881.159.918	12.493.123,95	33.448,89	(319,44)
Kỳ 6/Tháng 3/2025	415.958.893.935	12.536.475,90	33.179,89	(269,00)
Kỳ 7/Tháng 3/2025	420.670.594.602	12.602.186,23	33.380,76	200,87
Kỳ 8/Tháng 3/2025	421.223.341.241	12.684.091,62	33.208,79	(171,97)
Kỳ Cuối/Tháng 3/2025	418.198.716.175	12.700.391,88	32.928,01	(280,78)



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

19. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ 1/Tháng 4/2025	413.211.547.766	12.505.370,61	33.042,72	114,71
Kỳ 2/Tháng 4/2025	390.812.593.037	12.535.359,86	31.176,81	(1.865,91)
Kỳ 3/Tháng 4/2025	362.047.430.840	12.343.239,18	29.331,63	(1.845,18)
Kỳ 4/Tháng 4/2025	390.996.079.488	12.306.723,45	31.770,93	2.439,30
Kỳ 5/Tháng 4/2025	386.764.766.580	12.377.293,29	31.247,92	(523,01)
Kỳ 6/Tháng 4/2025	390.521.747.450	12.452.608,77	31.360,63	112,71
Kỳ 7/Tháng 4/2025	394.081.600.967	12.496.725,18	31.534,78	174,15
Kỳ 8/Tháng 4/2025	397.378.394.598	12.501.587,30	31.786,23	251,45
Kỳ Cuối/Tháng 4/2025	398.353.446.172	12.523.935,70	31.807,36	21,13
Kỳ 1/Tháng 5/2025	401.326.916.430	12.523.935,70	32.044,79	237,43
Kỳ 2/Tháng 5/2025	402.560.268.581	12.551.898,75	32.071,66	26,87
Kỳ 3/Tháng 5/2025	411.433.370.570	12.595.143,71	32.666,03	594,37
Kỳ 4/Tháng 5/2025	423.875.053.109	12.734.782,75	33.284,82	618,79
Kỳ 5/Tháng 5/2025	419.941.013.594	12.743.785,17	32.952,61	(332,21)
Kỳ 6/Tháng 5/2025	427.209.719.513	12.809.257,12	33.351,63	399,02
Kỳ 7/Tháng 5/2025	428.353.748.133	12.812.933,31	33.431,35	79,72
Kỳ 8/Tháng 5/2025	431.792.961.382	12.853.903,04	33.592,36	161,01
Kỳ Cuối/Tháng 5/2025	429.835.912.415	12.868.855,61	33.401,25	(191,11)
Kỳ 1/Tháng 6/2025	429.249.190.974	12.868.855,61	33.355,66	(45,59)
Kỳ 2/Tháng 6/2025	431.338.264.851	12.871.108,18	33.512,13	156,47
Kỳ 3/Tháng 6/2025	426.019.692.871	12.874.576,60	33.089,99	(422,14)
Kỳ 4/Tháng 6/2025	427.947.632.636	12.871.989,60	33.246,42	156,43
Kỳ 5/Tháng 6/2025	435.640.459.235	12.891.642,34	33.792,47	546,05
Kỳ 6/Tháng 6/2025	437.077.354.843	12.908.781,24	33.858,91	66,44
Kỳ 7/Tháng 6/2025	436.354.959.213	12.853.331,79	33.948,78	89,87
Kỳ 8/Tháng 6/2025	438.164.947.350	12.859.988,39	34.071,95	123,17
Kỳ Cuối/Tháng 6/2025	442.023.313.972	12.866.125,30	34.355,58	283,63

Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ

407.447.424.518

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ - mức cao nhất

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ - mức thấp nhất

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

19. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024:

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ cuối tháng 12/2023	221.145.924.718	8.008.161,29	27.615,06	
Kỳ 1 Tháng 1/2024	221.150.868.559	8.008.161,29	27.615,68	0,62
Kỳ 2 Tháng 1/2024	223.493.851.915	8.015.291,75	27.883,43	267,75
Kỳ 3 Tháng 1/2024	225.741.232.445	8.021.814,19	28.140,92	257,49
Kỳ 4 Tháng 1/2024	226.909.303.608	8.086.621,20	28.059,84	(81,08)
Kỳ 5 Tháng 1/2024	230.960.247.626	8.265.580,02	27.942,41	(117,43)
Kỳ 6 Tháng 1/2024	233.972.953.964	8.293.147,96	28.212,80	270,39
Kỳ 7 Tháng 1/2024	238.113.407.758	8.301.815,64	28.682,08	469,28
Kỳ 8 Tháng 1/2024	236.949.235.496	8.300.561,78	28.546,16	(135,92)
Kỳ 9 Tháng 1/2024	238.338.219.517	8.317.346,78	28.655,55	109,39
Kỳ Cuối Tháng 1/2024	237.987.307.338	8.334.197,02	28.555,51	(100,04)
Kỳ 1 Tháng 2/2024	243.102.381.427	8.353.631,79	29.101,40	545,89
Kỳ 2 Tháng 2/2024	246.392.997.380	8.390.103,76	29.367,09	265,69
Kỳ 3 Tháng 2/2024	248.472.677.215	8.399.046,93	29.583,43	216,34
Kỳ 4 Tháng 2/2024	252.532.703.666	8.498.461,87	29.715,10	131,67
Kỳ 5 Tháng 2/2024	254.778.997.381	8.582.067,18	29.687,36	(27,74)
Kỳ 6 Tháng 2/2024	260.438.295.191	8.652.365,01	30.100,24	412,88
Kỳ Cuối Tháng 2/2024	261.935.826.378	8.692.799,05	30.132,50	32,26
Kỳ 1 Tháng 3/2024	264.863.605.273	8.692.799,05	30.469,31	336,81
Kỳ 2 Tháng 3/2024	267.435.662.128	8.786.868,21	30.435,83	(33,48)
Kỳ 3 Tháng 3/2024	262.801.582.261	8.790.890,48	29.894,76	(541,07)
Kỳ 4 Tháng 3/2024	272.287.543.131	8.873.188,26	30.686,55	791,79
Kỳ 5 Tháng 3/2024	270.477.689.911	8.912.351,05	30.348,63	(337,92)
Kỳ 6 Tháng 3/2024	275.702.614.198	9.001.126,98	30.629,78	281,15
Kỳ 7 Tháng 3/2024	276.642.520.133	9.031.908,28	30.629,46	(0,32)
Kỳ 8 Tháng 3/2024	281.815.396.279	9.092.515,86	30.994,21	364,75
Kỳ Cuối Tháng 3/2024	283.204.382.503	9.117.935,83	31.060,14	65,93

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

19. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ 1 Tháng 4/2024	283.281.728.685	9.117.935,83	31.068,62	8,48
Kỳ 2 Tháng 4/2024	284.722.364.470	9.257.939,31	30.754,39	(314,23)
Kỳ 3 Tháng 4/2024	281.336.270.165	9.313.044,83	30.208,83	(545,56)
Kỳ 4 Tháng 4/2024	285.486.100.188	9.382.690,45	30.426,89	218,06
Kỳ 5 Tháng 4/2024	279.677.658.743	9.399.970,86	29.753,03	(673,86)
Kỳ 6 Tháng 4/2024	277.057.943.791	9.427.731,50	29.387,55	(365,48)
Kỳ 7 Tháng 4/2024	282.198.945.183	9.443.016,20	29.884,40	496,85
Kỳ Cuối Tháng 4/2024	283.688.945.159	9.454.940,66	30.004,30	119,90
Kỳ 1 Tháng 5/2024	283.695.497.665	9.454.940,66	30.005,00	0,70
Kỳ 2 Tháng 5/2024	291.126.717.493	9.497.792,81	30.652,03	647,03
Kỳ 3 Tháng 5/2024	293.582.382.269	9.510.681,04	30.868,70	216,67
Kỳ 4 Tháng 5/2024	292.278.639.101	9.540.334,05	30.636,10	(232,60)
Kỳ 5 Tháng 5/2024	297.133.658.291	9.587.559,61	30.991,58	355,48
Kỳ 6 Tháng 5/2024	299.521.697.669	9.595.160,05	31.215,91	224,33
Kỳ 7 Tháng 5/2024	301.506.311.992	9.637.020,64	31.286,25	70,34
Kỳ 8 Tháng 5/2024	301.577.444.276	9.663.871,39	31.206,69	(79,56)
Kỳ 9 Tháng 5/2024	304.635.206.015	9.769.173,86	31.183,31	(23,38)
Kỳ Cuối Tháng 5/2024	304.006.982.002	9.773.880,94	31.104,01	(79,30)
Kỳ 1 Tháng 6/2024	308.007.353.864	9.773.880,94	31.513,31	409,30
Kỳ 2 Tháng 6/2024	308.514.746.979	9.777.696,04	31.552,90	39,59
Kỳ 3 Tháng 6/2024	311.777.315.391	9.787.306,23	31.855,27	302,37
Kỳ 4 Tháng 6/2024	318.112.596.005	9.874.443,68	32.215,74	360,47
Kỳ 5 Tháng 6/2024	315.579.015.184	9.922.732,59	31.803,64	(412,10)
Kỳ 6 Tháng 6/2024	319.942.149.280	9.985.186,23	32.041,68	238,04
Kỳ 7 Tháng 6/2024	315.027.017.469	9.967.972,60	31.603,92	(437,76)
Kỳ 8 Tháng 6/2024	317.754.150.810	10.049.675,30	31.618,34	14,42
Kỳ Cuối Tháng 6/2024	315.975.103.708	10.082.756,46	31.338,16	(280,18)

Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ

274.451.808.678

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ - mức cao nhất

791,79

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ - mức thấp nhất

(0,32)

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

20. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành

Chi tiết theo thời gian có thể mua lại chứng chỉ quỹ:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 (chứng chỉ quỹ)	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 (chứng chỉ quỹ)
Đến một năm	12.866.125,30	11.480.672,49

21. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUỸ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (%)	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (%)
Tỷ lệ chi phí hoạt động	1,88	2,04
Tốc độ vòng quay danh mục	16,48	23,88

21.1 Tỷ lệ chi phí hoạt động

Tỷ lệ chi phí hoạt động là tỷ lệ đánh giá chi phí hoạt động của Quỹ tính cho một đơn vị giá trị tài sản ròng. Tại ngày kết thúc báo cáo tài chính giữa niên độ, tỷ lệ này sẽ được tính toán cho 12 tháng bằng cách nhân tỷ lệ của kỳ kế toán sáu tháng với 2.

Tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} * 100 (\%)}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong kỳ}}$$

Những chi phí không được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ khi tính chỉ tiêu tỷ lệ chi phí hoạt động bao gồm:

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí lãi, lỗ tỷ giá hối đoái (bao gồm đã thực hiện và chưa thực hiện);
- Thuế khấu trừ tại nguồn đối với thu nhập của các nhà đầu tư hoặc thuế phát sinh từ các khoản thu nhập đã nộp (thuế Thu nhập doanh nghiệp), bao gồm cả thuế Nhà thầu;
- Chi phí mua, chi phí mua lại chứng chỉ quỹ và các chi phí khác phát sinh từ việc mua, bán chứng chỉ quỹ; và
- Các khoản cổ tức và các khoản phân phối khác đã trả cho nhà đầu tư.

21.2 Tốc độ vòng quay danh mục

Tốc độ vòng quay danh mục là số quay vòng tài sản đầu tư của Quỹ trong một (1) năm. Tại ngày kết thúc báo cáo tài chính giữa niên độ, tỷ lệ này sẽ được tính toán cho 12 tháng bằng cách nhân tỷ lệ của kỳ kế toán sáu tháng với 2.

Tốc độ vòng quay danh mục được xác định theo công thức:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua trong kỳ} + \text{Tổng giá trị bán trong kỳ}) / 2 * 100 (\%)}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong kỳ}}$$

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

22. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động của Quỹ. Quỹ cũng đã được Công ty Quản lý Quỹ xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

22.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư chứng khoán.

(i) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của các công cụ tài chính mà Quỹ đầu tư sẽ biến động do những thay đổi của lãi suất thị trường, do sự thay đổi về cung, cầu của tiền tệ và các yếu tố kinh tế vĩ mô khác. Rủi ro lãi suất ảnh hưởng trực tiếp tới giá trái phiếu.

Ảnh hưởng: Lãi suất tăng sẽ làm giá trái phiếu có lãi suất cố định giảm trên thị trường thứ cấp để lợi suất thực tế của trái phiếu tăng bằng với lãi suất thị trường. Đối với trái phiếu doanh nghiệp, lãi suất tăng còn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của tổ chức phát hành, đặc biệt các tổ chức sử dụng đòn bẩy cao. Theo đó, mức rủi ro của tổ chức phát hành có thể tăng lên và đẩy lợi tức trái phiếu do doanh nghiệp đó phát hành tăng theo, làm suy giảm giá trái phiếu của doanh nghiệp đó.

Phương pháp quản trị rủi ro: Quỹ giảm thiểu rủi ro lãi suất bằng cách giữ kỳ hạn của trái phiếu phù hợp với các kỳ vọng về lãi suất. Cụ thể là Quỹ sẽ nắm giữ trái phiếu có lãi suất cố định với kỳ hạn ngắn hơn và nhiều trái phiếu có lãi suất thả nổi hơn khi lãi suất được dự báo tăng và ngược lại khi lãi suất được dự báo giảm. Đòn bẩy của các công cụ Quỹ đầu tư vào và ảnh hưởng tiềm tàng của rủi ro lãi suất đến các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được theo dõi thường xuyên.

(ii) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Quỹ được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo và giao dịch chính của Quỹ là VNĐ. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Quỹ là không có do Quỹ không nắm giữ tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025.

(iii) Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Quỹ quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng đầu tư của Quỹ cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào trái phiếu.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết và quyền mua cổ phiếu của Quỹ là 338.898.538.226 VNĐ. Nếu giá trị thị trường của các chứng khoán này giảm 10% thì kết quả hoạt động của Quỹ sẽ giảm khoảng 33.889.853.823 VNĐ, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá trị thị trường của các chứng khoán này tăng 10% thì kết quả hoạt động của Quỹ sẽ tăng khoảng 33.889.853.823 VNĐ.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

22. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

22.2 *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ của mình theo cam kết, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ tài sản tài chính bao gồm trái phiếu doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi và các công cụ tài chính khác.

Quỹ chủ yếu duy trì số dư trái phiếu doanh nghiệp, tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi tại các ngân hàng, tổ chức tín dụng và tổ chức kinh tế có uy tín ở Việt Nam. Rủi ro đối với số dư trái phiếu doanh nghiệp, tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi tại các ngân hàng, các tổ chức tín dụng và tổ chức kinh tế được quản lý bởi bộ phận quản lý đầu tư của Quỹ theo chính sách của Quỹ. Quỹ nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với trái phiếu doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi là rất thấp.

Chính sách của Quỹ là đầu tư vào các công cụ tài chính của các đối tác có uy tín. Bộ phận quản lý đầu tư theo dõi chặt chẽ tình hình tín dụng của các đối tác của Quỹ bằng cách xem xét tình hình tài chính, khả năng trả nợ của đối tác, báo cáo tài chính giữa niên độ và thông tin đại chúng.

22.3 *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Quỹ đầu tư chủ yếu trên thị trường chứng khoán và các công cụ tài chính khác, trong điều kiện bình thường của thị trường, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt. Quỹ giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

23. THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ tại thời điểm cuối kỳ:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Giá trị ghi sổ VNĐ	Giá trị hợp lý VNĐ	Giá trị ghi sổ VNĐ	Giá trị hợp lý VNĐ
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	70.451.833.260	70.451.833.260	60.186.025.243	60.186.025.243
Các khoản đầu tư thuần	376.732.607.746	376.732.607.746	320.936.715.724	320.936.715.724
- Cổ phiếu niêm yết	285.261.686.400	285.261.686.400	236.969.263.000	236.969.263.000
- Trái phiếu doanh nghiệp	88.048.885.346	88.048.885.346	83.967.452.724	83.967.452.724
- Quyền mua chứng khoán	1.422.036.000	1.422.036.000	-	-
- Chứng chỉ tiền gửi	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-
Các khoản phải thu	2.243.272.321	2.243.272.321	3.104.394.661	3.104.394.661
	449.427.713.327	449.427.713.327	384.227.135.628	384.227.135.628
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả về mua các khoản đầu tư	3.121.229.832	3.121.229.832	-	-
Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	292.940.093	292.940.093	185.329.258	185.329.258
Chi phí phải trả	100.907.507	100.907.507	27.000.000	27.000.000
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	3.104.189.336	3.104.189.336	1.260.859.118	1.260.859.118
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ	124.680.153	124.680.153	957.939.716	957.939.716
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	613.607.270	613.607.270	555.188.252	555.188.252
Phải trả, phải nộp khác	4.958.904	4.958.904	-	-
	7.362.513.095	7.362.513.095	2.986.316.344	2.986.316.344

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quỹ sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu, phải trả về mua các khoản đầu tư, phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả, phải trả cho Nhà đầu tư về mua và mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở và phải trả phải nộp khác bằng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, cổ phiếu niêm yết, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp và chứng chỉ tiền gửi được ước tính theo phương pháp định giá quy định tại *Thuyết minh 3.4*.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHÓT KHÁC

24.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

a) Công ty Quản lý Quỹ

Các giao dịch trọng yếu trong kỳ như sau:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VNĐ</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VNĐ</i>
Giá dịch vụ quản lý quỹ	3.031.307.273	2.047.571.556
Số dư tại thời điểm cuối kỳ như sau:		
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VNĐ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VNĐ</i>
Phải trả phí về mua lại chứng chỉ quỹ	292.940.093	185.329.258
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ	535.485.270	474.228.252
	828.425.363	659.557.510

b) Thủ lao Ban Đại diện Quỹ

Ngoài tiền thù lao, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng. Phụ cấp cho Ban Đại diện Quỹ được hạch toán vào chi phí của Quỹ.

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VNĐ</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VNĐ</i>
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	60.000.000	60.000.000
Số dư tại thời điểm cuối kỳ như sau:		
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VNĐ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VNĐ</i>
Phải trả thù lao Ban đại diện Quỹ	27.000.000	27.000.000

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

24.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

c) Số lượng chứng chỉ quỹ mà bên liên quan nắm giữ

Chi tiết số lượng đơn vị quỹ được nắm giữ bởi bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ (%)	Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ (%)
Franklin Templeton Capital Holdings Private Limited	2.500.000,00	19,43	2.500.000,00	21,78
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank	1.334.027,88	10,37	1.334.027,88	11,62
Bên liên quan khác	100.642,67	0,78	99.009,29	0,86
	3.934.670,55	30,58	3.933.037,17	34,26

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) B06g-QM
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

24.2 Các hợp đồng then chốt khác

Ngân hàng Giám sát

Theo hợp đồng giám sát và lưu ký ký với Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam (“Ngân hàng Giám sát”), Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giám sát là 0,04% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 16.000.000 đồng một tháng, mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ lưu ký là 0,03% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 11.000.000 đồng một tháng.

Ngân hàng Giám sát cũng đồng thời là tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ quản trị quỹ. Theo đó, giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,05% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ, với mức tối thiểu là 31.000.000 đồng một tháng, mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Giá dịch vụ lập báo cáo tài chính cho quỹ là 36.000.000 đồng một năm, tương đương với 3.000.000 đồng một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

Ngoài ra, Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giao dịch chứng khoán là 220.000 VNĐ/giao dịch. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Chi tiết giá dịch vụ và thu nhập phát sinh trong kỳ như sau:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VNĐ</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VNĐ</i>
Giá dịch vụ quản trị quỹ	224.400.000	224.400.000
Giá dịch vụ giám sát	105.600.000	105.600.000
Giá dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	66.000.185	66.000.000
Giá dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	14.102.000	11.440.000
Lãi từ tiền gửi không kỳ hạn	17.404.854	7.426.225
Phí ngân hàng	3.622.300	2.213.028

Số dư tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VNĐ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VNĐ</i>
Tiền gửi thanh toán	25.813.280.321	41.030.724.838
Phải trả dịch vụ giám sát	17.600.000	17.600.000
Phải trả dịch vụ quản trị quỹ	37.400.000	37.400.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	11.000.000	11.000.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	1.122.000	3.960.000

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

25. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngoài các thông tin đã trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ.

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 14 tháng 8 năm 2025

Bà Lê Văn
Trưởng phòng Dịch vụ Quỹ và Danh mục



Bà Nguyễn Thị Hằng Nga
Tổng Giám đốc



Bà Nguyễn Minh Hằng
Người lập biểu

Bà Trần Thị Hà Linh
Kế toán Trưởng

EY | Building a better working world

EY exists to build a better working world, helping to create long-term value for clients, people and society and build trust in the capital markets.

Enabled by data and technology, diverse EY teams in over 150 countries provide trust through assurance and help clients grow, transform and operate.

Working across assurance, consulting, law, strategy, tax and transactions, EY teams ask better questions to find new answers for the complex issues facing our world today.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2024 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn | ey.com/vi_vn